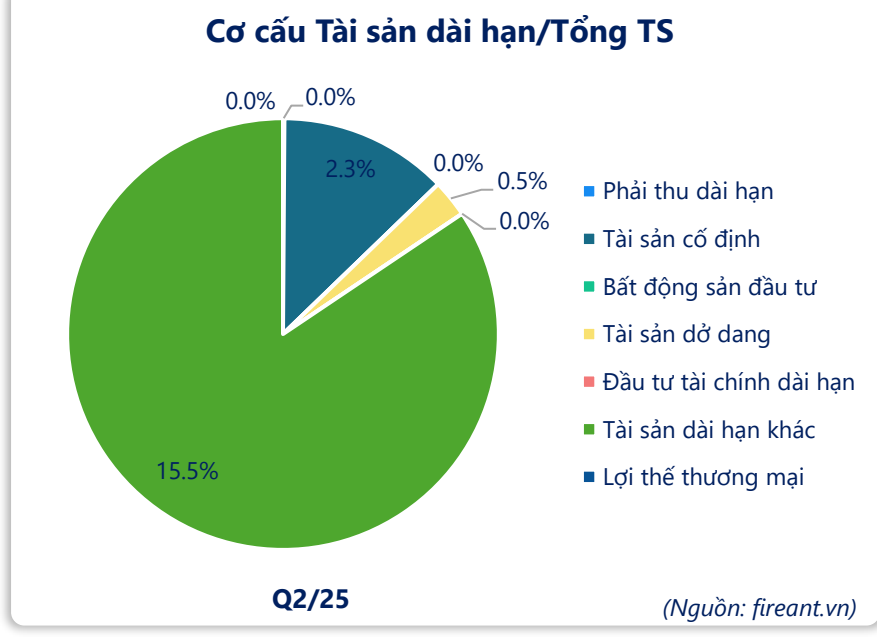
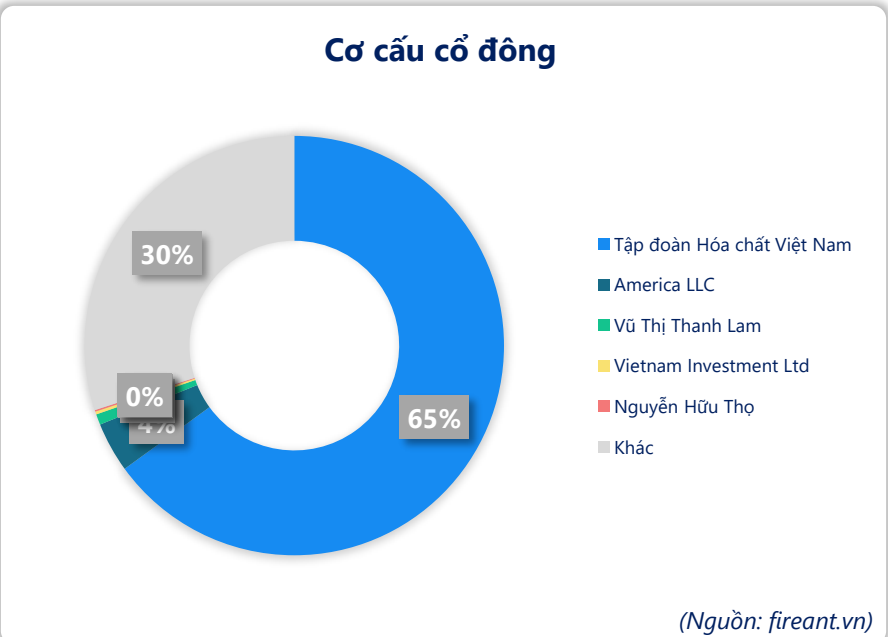
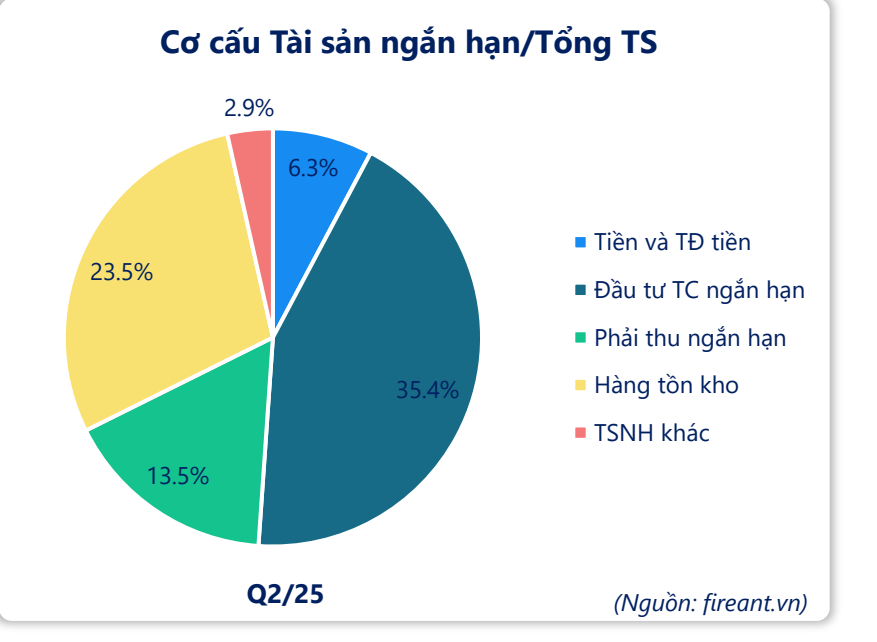
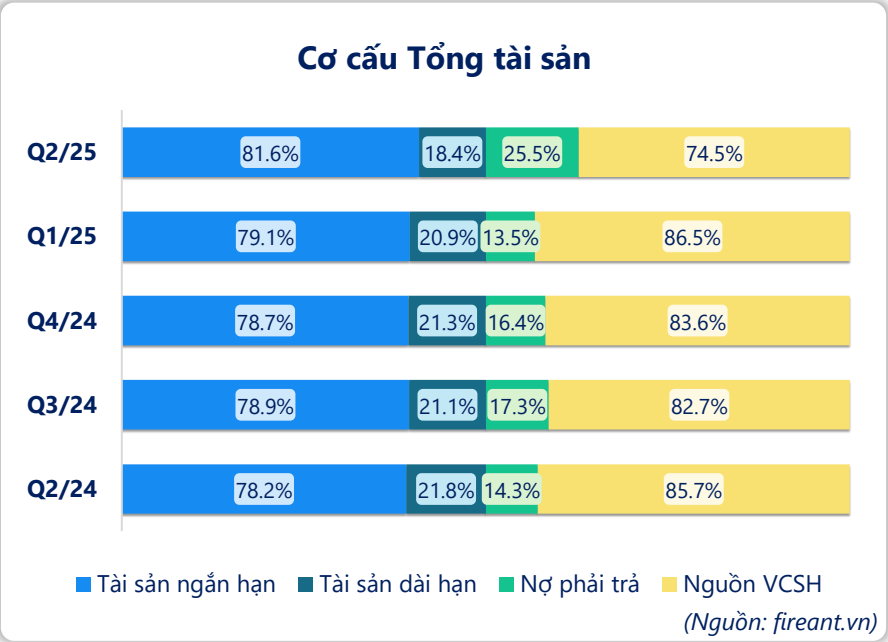
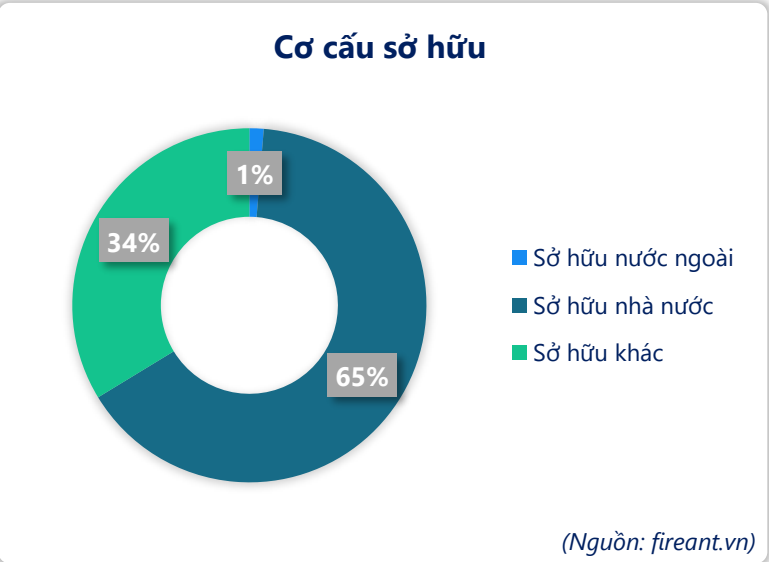
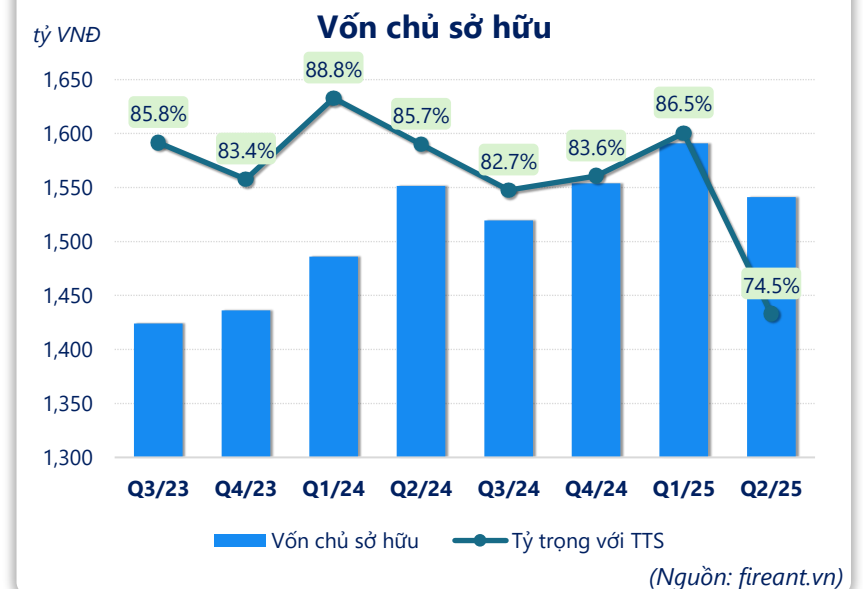
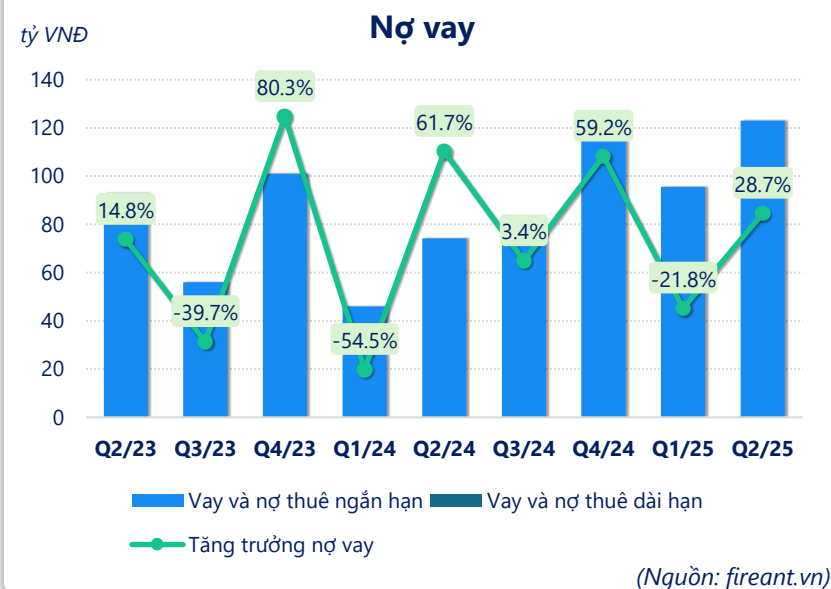
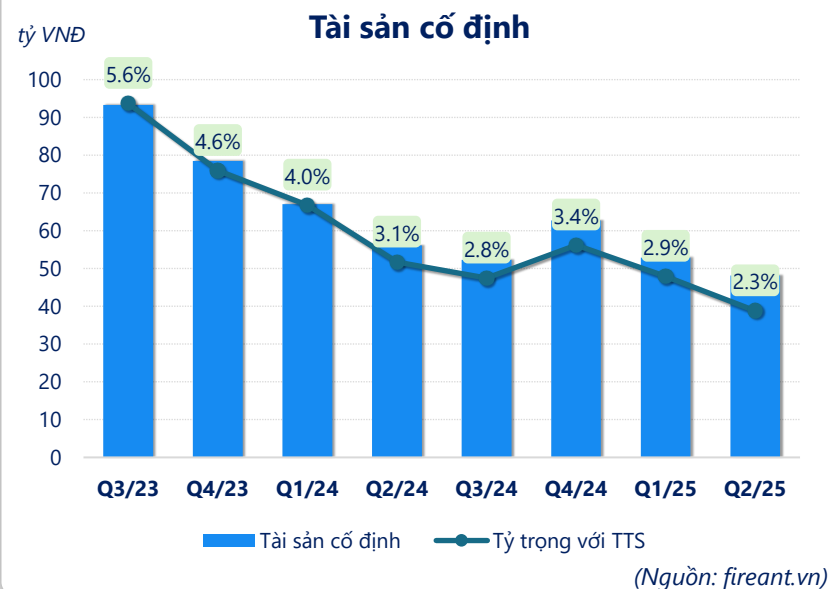
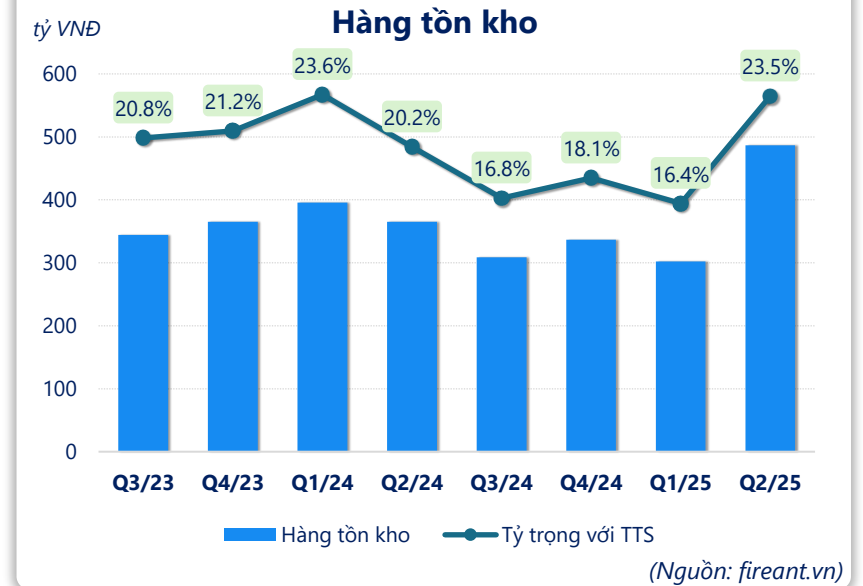
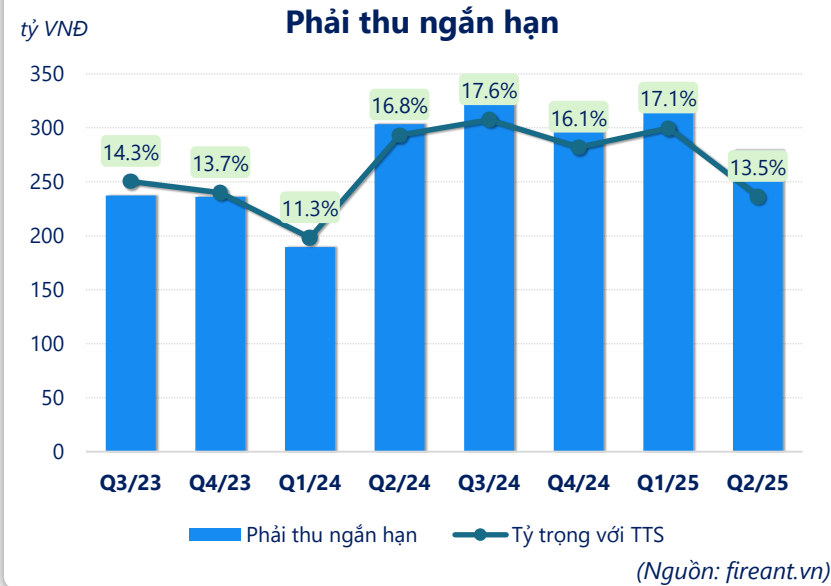
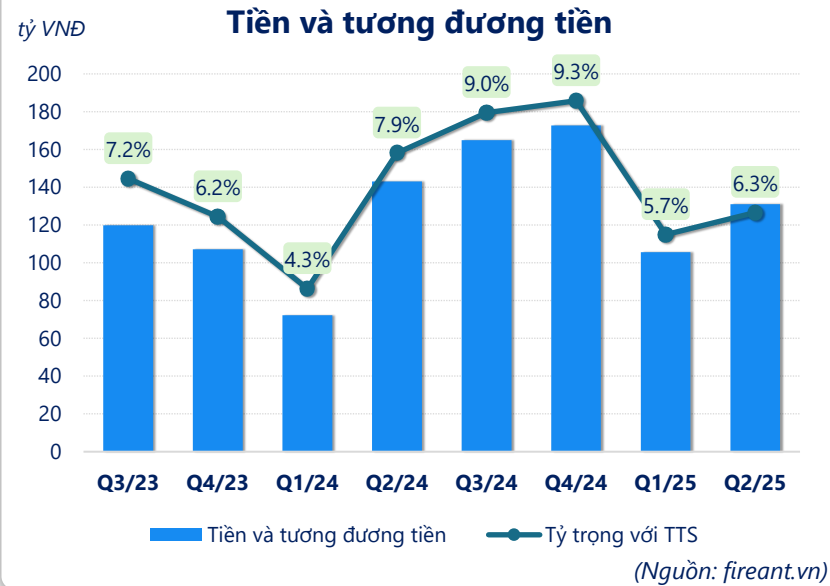
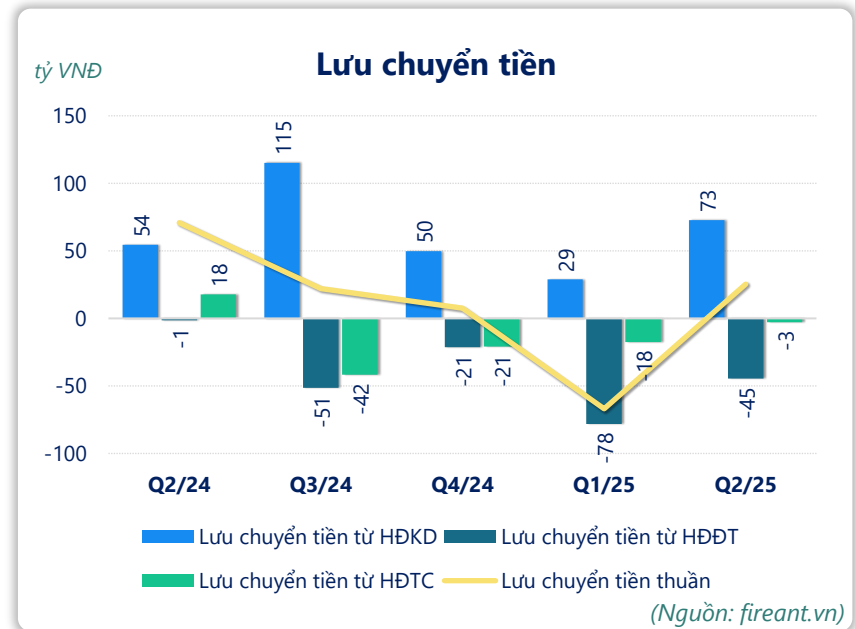
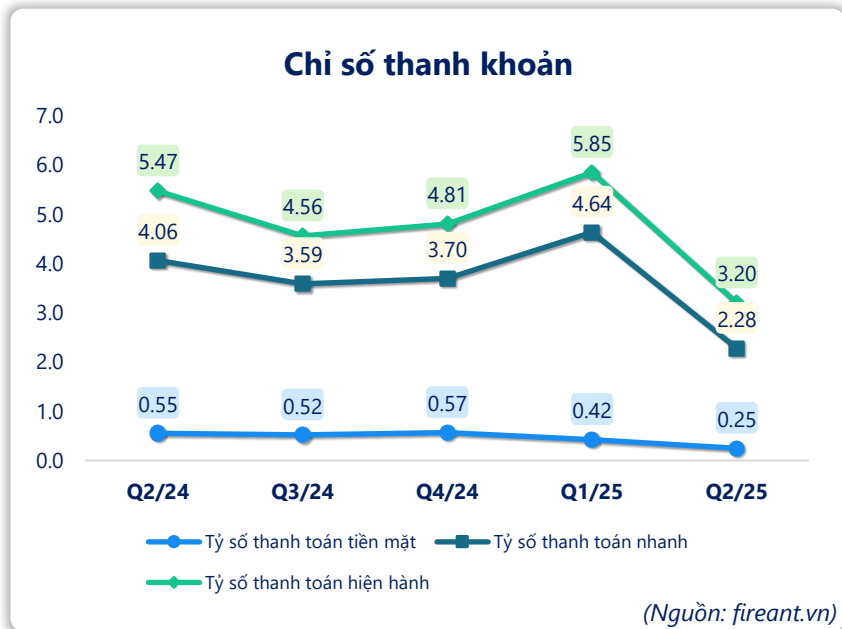
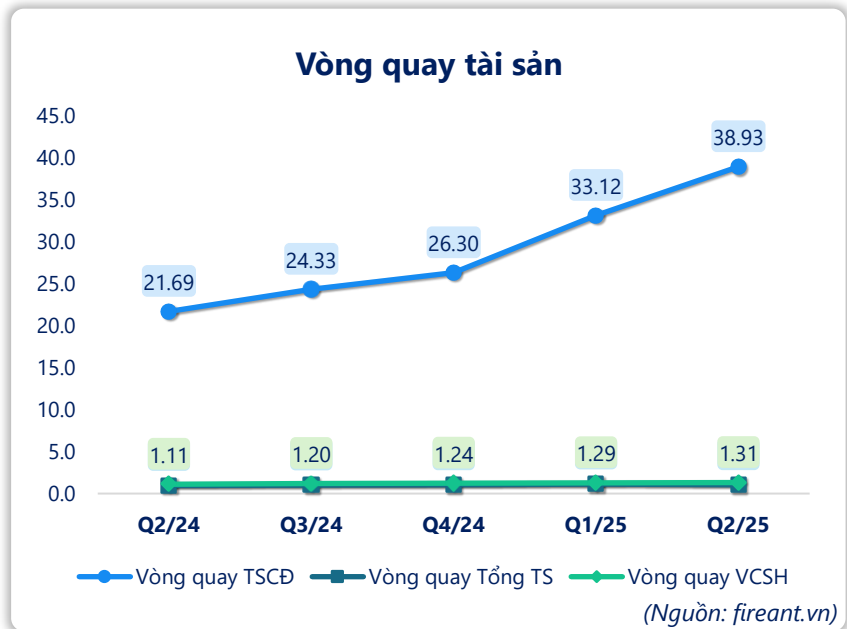
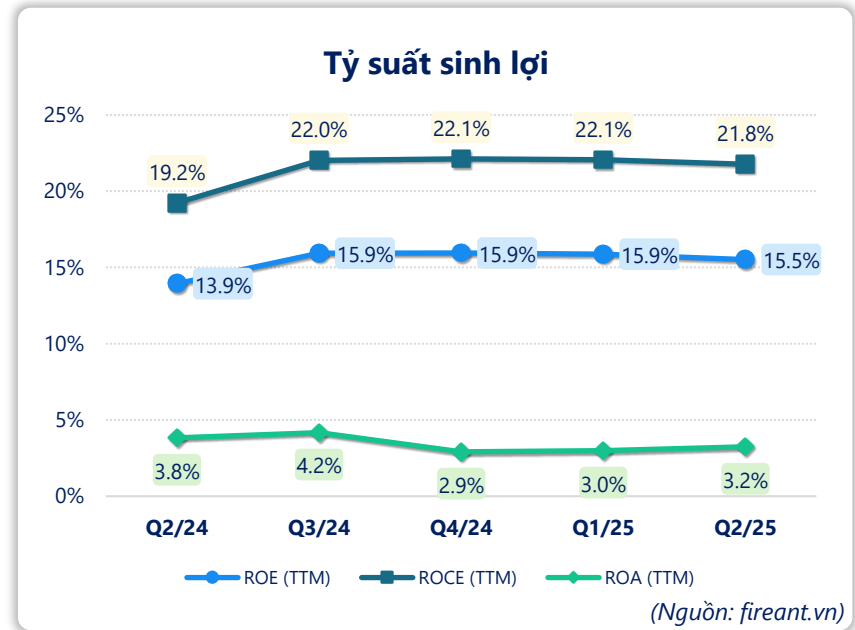
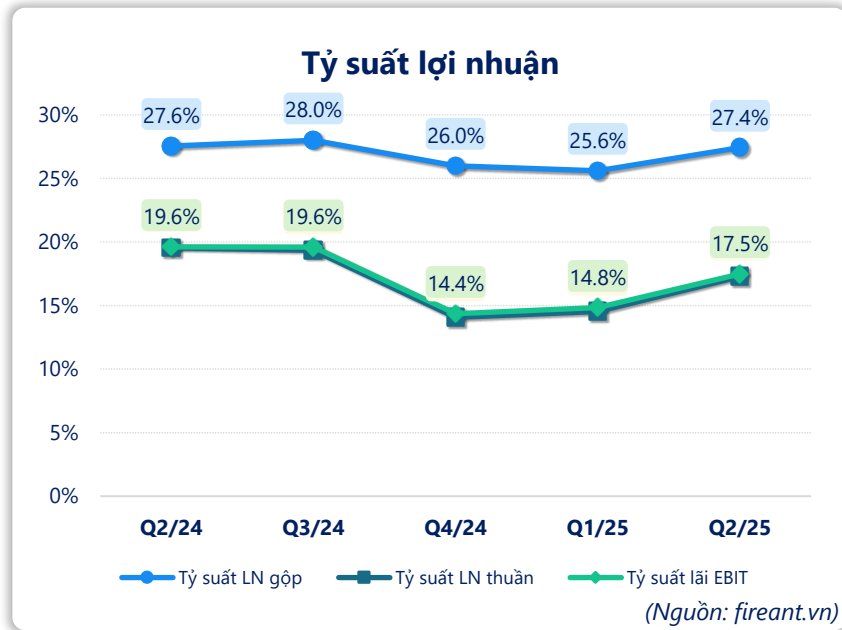
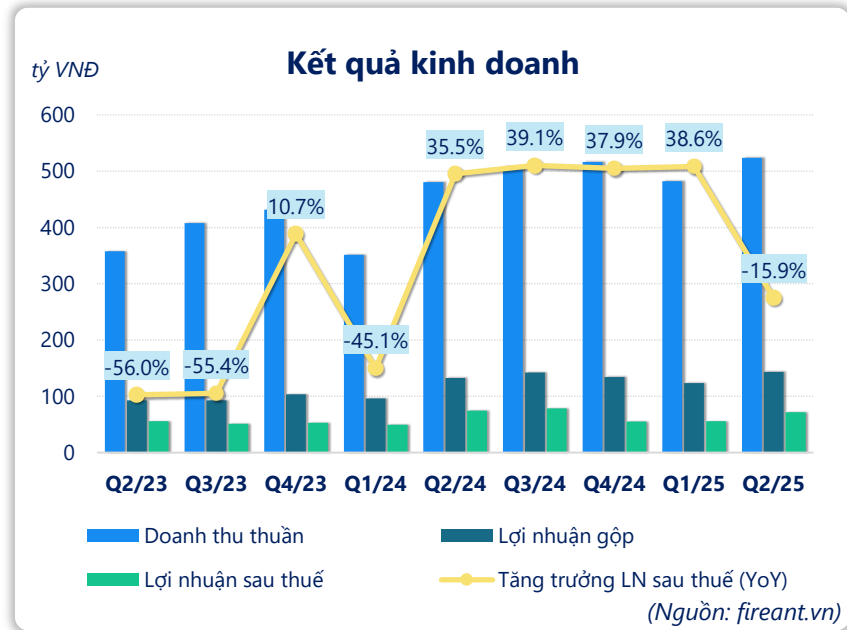


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		36,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		46,207
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,752
SL cổ phiếu LH		110,499,910
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,911,855
% sở hữu nước ngoài		1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,066
P/E		16.9
EPS		2,172

	YTD	1T	3T	6T
CSV	-18.9%	6.6%	-1.0%	-18.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,069	1,859	11.3%
Tài sản ngắn hạn	1,689	1,464	15.3%
Tiền và tương đương tiền	131	173	-24.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	732	605	21.0%
Phải thu ngắn hạn	279	296	-5.7%
Hàng tồn kho	487	341	42.9%
Tài sản ngắn hạn khác	59.4	49.5	20.0%
Tài sản dài hạn	380	395	-3.8%
Phải thu dài hạn	0.40	0.43	-5.6%
Tài sản cố định	48.2	62.7	-23.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.7	3.12	242%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	321	329	-2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	528	305	73.0%
Nợ ngắn hạn	528	305	73.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	123	122	0.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	122	33.4	265%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,541	1,554	-0.8%
Vốn chủ sở hữu	1,541	1,554	-0.8%
Vốn điều lệ	1,105	1,105	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	481	508	516	482	524
Giá vốn hàng bán	348	366	382	359	380
Lợi nhuận gộp	132	142	134	124	144
Doanh thu HĐTC	6.84	7.51	9.02	9.55	12.6
Chi phí TC	0.37	0.92	0.99	1.43	1.25
Chi phí lãi vay	0.33	0.59	0.88	1.01	1.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	26.0	31.3	32.8	34.7	38.9
Chi phí QLDN	19.0	19.3	36.8	26.9	25.5
LN thuần từ HĐKD	93.9	98.2	72.6	70.1	90.5
Lợi nhuận khác	0.02	0.65	0.60	0.40	-0.02
LN trước thuế	93.9	98.9	73.2	70.5	90.5
Lợi nhuận sau thuế	74.5	78.7	55.1	56.0	71.8
LNST của CĐ cty mẹ	66.8	72.8	52.1	52.4	62.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	54.4	115	49.8	28.9	72.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.33	-51.5	-21.4	-78.3	-44.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	17.7	-41.6	-20.9	-17.5	-2.79
Tiền đầu kỳ	72.2	143	165	173	106
Lưu chuyển tiền thuần	70.8	22.0	7.54	-66.9	25.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	-0.06	0.09	0.00	-0.09
Tiền cuối kỳ	143	165	173	106	131

(Nguồn: fireant.vn)